UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9858 /TB-SKHCN

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Kế hoạch Đợt hỗ trợ thứ nhất – Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số và Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 03/10/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây gọi là Quyết định số 135); căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo Kế hoạch Đợt hỗ trợ thứ nhất (sau đây gọi là Đợt 1) theo khoản 1 Điều 10 Quyết định số 135 như sau:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI

1. Mục tiêu:

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh giảm chi phí tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ chuyển đổi số và thương mại điện tử phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đợt 1 ưu tiên các nhóm đối tượng có nhu cầu lớn và có khả năng triển khai ngay trong giai đoạn cuối năm 2026; các nhóm ưu tiên khác tiếp tục được rà soát trong các đợt tiếp theo.

- Kinh phí hỗ trợ đến được với nhiều đối tượng có nhu cầu thực tế; sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng ngừa trục lợi chính sách.

- Vận hành lần đầu, toàn trình cơ chế phiếu hỗ trợ trên Hệ thống cấp phiếu hỗ trợ (sau đây gọi là Hệ thống); qua đó phát hiện, xử lý vướng mắc, làm cơ sở hoàn thiện quy trình nghiệp vụ cho các đợt hỗ trợ tiếp theo.

2. Phạm vi:

Đợt 1 cấp Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số và Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử để hỗ trợ chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi số và Danh mục sản phẩm, dịch vụ phát triển thương mại điện tử (sau đây gọi chung là Danh mục). Phiếu là dữ liệu điện tử trên Hệ thống (tích hợp trên Nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi); không phải là tiền, không được quy đổi thành tiền mặt, không được mua bán, chuyển nhượng.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ NHÓM ƯU TIÊN

1. Đối tượng tiếp nhận đăng ký của Đợt 1

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập, đăng ký và đang hoạt động hợp pháp, có trụ sở, chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội và thuộc một trong 08 nhóm ưu tiên (G1–G8) hoặc nhóm đối tượng chung (G9) tại khoản 3 Mục này.

Quy mô doanh nghiệp (siêu nhỏ, nhỏ, vừa) xác định theo tiêu chí của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đối tượng tự kê khai và chịu trách nhiệm. Trường hợp kê khai không đúng quy mô, phần hỗ trợ vượt mức trần tương ứng với quy mô thực tế bị thu hồi theo Điều 14 Quyết định số 135. Hướng dẫn xác định: https://drive.google.com/file/d/139Svk8tRYqyVe0GCk_H9bRijbg0C9HbS/view?usp=sharing.

2. Điều kiện được cấp phiếu

Đáp ứng các điều kiện tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 135, gồm: thông tin của đối tượng được xác thực; lựa chọn sản phẩm, dịch vụ thuộc phiên bản Danh mục đang áp dụng, phục vụ trực tiếp hoạt động của trụ sở, chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh trên địa bàn Thành phố; thực hiện cam kết điện tử khi đăng ký (sử dụng phiếu đúng mục đích, không chuyển nhượng phiếu, không đề nghị hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung chi, xác nhận sử dụng đúng thực tế, cung cấp thông tin, dữ liệu cần thiết) và các cam kết khác tại Bước 5 khoản 1 Mục VI.

Mỗi đối tượng được cấp tối đa 01 Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số và 01 Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử trong Đợt 1. Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc cả hai Danh mục, cùng một nội dung chi chỉ được ghi nhận hỗ trợ trên một loại phiếu.

Đối tượng được hỗ trợ sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, có dữ liệu được chuyển đến cơ quan thuế (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền). Khi đăng ký, đối tượng đang sử dụng hóa đơn điện tử xác nhận việc đang sử dụng; đối tượng chưa sử dụng cam kết đăng ký sử dụng chậm nhất ngày 31/12/2026 (có thể dùng phiếu để lựa chọn sản phẩm, dịch vụ hóa đơn điện tử trong Danh mục). Sở Khoa học và Công nghệ sẽ đối chiếu việc thực hiện cam kết với dữ liệu của cơ quan thuế; trường hợp không thực hiện cam kết, việc này được xem xét khi xác định điều kiện tham gia các đợt hỗ trợ tiếp theo.

Hỗ trợ trùng lặp là trường hợp cùng một sản phẩm, dịch vụ đã hoặc đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí theo chương trình, chính sách khác. Đối tượng đã được hỗ trợ như vậy lựa chọn sản phẩm, dịch vụ khác hoặc thời gian sử dụng khác

ngoài thời gian đã được hỗ trợ; khi đăng ký, đối tượng kê khai chương trình đã hoặc đang nhận hỗ trợ cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại (nếu có).

Đối tượng đang sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục (khách hàng hiện hữu) không sử dụng phiếu để gia hạn cùng gói đang sử dụng; được sử dụng phiếu để nâng cấp lên gói cao hơn, mua thêm số lượng theo mã "mua bổ sung" được công bố trong Danh mục (số hóa đơn, tài liệu ký, lượt sử dụng) hoặc sử dụng sản phẩm, dịch vụ khác trong Danh mục. Nhà cung cấp xác nhận và cam kết về tình trạng khách hàng hiện hữu khi xác nhận khả năng cung cấp.

3. Các nhóm đối tượng, lý do ưu tiên và tiêu chí xác định

Nhóm ưu tiên của Đợt 1 được lựa chọn theo 03 tiêu chí: (1) đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng, chuyển đổi số của Thành phố như mở rộng thị phần, cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu, phục vụ khách du lịch, nâng cao năng suất, minh bạch doanh thu, hoặc thực hiện chủ trương, chương trình của Trung ương, Thành phố đang triển khai (khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp; bảo đảm an toàn thực phẩm; phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã); (2) có nhu cầu và có khả năng sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngay trong giai đoạn cuối năm 2026; (3) xác định được bằng tiêu chí khách quan, có minh chứng và dữ liệu của cơ quan quản lý để đối chiếu, áp dụng thống nhất, không gắn với nhà cung cấp hoặc đối tượng cụ thể. Lý do lựa chọn, tiêu chí xác định và minh chứng của từng nhóm như sau:

Mã	Nhóm đối tượng và lý do ưu tiên	Tiêu chí xác định và minh chứng khi đăng ký
G1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề Bát Tràng, Vạn Phúc, Chuyên Mỹ, Sơn Đồng (thuộc Mạng lưới các Thành phố thủ công sáng tạo thế giới) *Lý do: sản phẩm thủ công truyền thống đặc trưng của Thủ đô, gắn với danh hiệu thuộc Mạng lưới; cần thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc để mở rộng thị trường, xuất khẩu, phát triển du lịch làng nghề.*	Có địa điểm sản xuất, kinh doanh tại 04 làng nghề có tên *Minh chứng:* giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (đã tải lên tại Bước 2 khoản 1 Mục VI) thể hiện địa chỉ trụ sở hoặc địa điểm kinh doanh tại 04 làng nghề.
G2	Chủ thể có sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, còn hiệu lực *Lý do: sản phẩm đặc trưng đã được chuẩn hóa, công nhận theo Chương trình OCOP; có nhu cầu mở rộng thị phần trong và ngoài Hà Nội qua thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc.*	Có sản phẩm được công nhận đạt OCOP từ 3 sao trở lên, còn hiệu lực *Minh chứng:* giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận sản phẩm OCOP.

Mã	Nhóm đối tượng và lý do ưu tiên	Tiêu chí xác định và minh chứng khi đăng ký
G3	Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh bán hàng hóa sản xuất tại Việt Nam trên sàn giao dịch thương mại điện tử, thuộc các ngành hàng: điện tử; mỹ phẩm, làm đẹp; thời trang; nhà cửa, đời sống; bách hóa, thực phẩm *Lý do: đã kinh doanh trên môi trường số, doanh thu được ghi nhận qua sàn; cần công cụ quản lý đơn hàng, hóa đơn, sổ sách để tuân thủ và mở rộng thị phần, cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu trên các sàn. Tập trung vào hàng hóa sản xuất tại Việt Nam để hỗ trợ sản xuất trong nước; mở rộng cho hợp tác xã để thúc đẩy kinh tế tập thể.*	Có gian hàng đang hoạt động trên sàn giao dịch thương mại điện tử, ngành hàng chính thuộc các ngành nêu trên, kinh doanh chính hàng hóa sản xuất tại Việt Nam *Minh chứng:* đường dẫn gian hàng, ngành hàng chính; ảnh chụp nhãn hàng hóa thể hiện xuất xứ "Sản xuất tại Việt Nam" của 01 đến 03 sản phẩm bán chủ lực, kèm cam kết tại Bước 5 khoản 1 Mục VI.
G4	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, chế biến, chế tạo (100% vốn Việt Nam) có cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố *Lý do: cần nâng cao năng suất, quản trị sản xuất để tham gia chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.*	Có cơ sở sản xuất, chế biến, chế tạo đang hoạt động trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố *Minh chứng:* hợp đồng thuê đất, nhà xưởng hoặc tài liệu khác thể hiện cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp; cam kết 100% vốn Việt Nam.
G5	Cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố; cơ sở kinh doanh có địa điểm tại phường Hoàn Kiếm, phường Cửa Nam *Lý do: phục vụ khách du lịch trong nước, quốc tế tại khu vực trung tâm và các cơ sở lưu trú vào mùa cao điểm du lịch cuối năm; có thể triển khai ngay dịch vụ đặt chỗ, thanh toán, bán hàng số.*	Cơ sở lưu trú du lịch hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật về du lịch; Cơ sở kinh doanh có địa chỉ trụ sở hoặc địa điểm kinh doanh tại phường Hoàn Kiếm, phường Cửa Nam (kể cả địa chỉ ghi theo tên đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025 nay thuộc địa giới hai phường này) *Minh chứng:* - Cơ sở lưu trú sử dụng giấy chứng nhận đăng ký đã tải lên tại Bước 2 khoản 1 Mục VI, thể hiện ngành, nghề kinh doanh dịch vụ lưu trú; - Cơ sở kinh doanh sử dụng giấy chứng nhận đăng ký đã tải lên tại Bước 2 khoản 1 Mục VI, thể hiện địa chỉ thuộc phường Hoàn Kiếm, phường Cửa Nam.

Mã	Nhóm đối tượng và lý do ưu tiên	Tiêu chí xác định và minh chứng khi đăng ký
G6	Hộ kinh doanh có doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm *Lý do: thuộc diện bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử, chuyển sang kê khai thuế nên có nhu cầu, triển khai được ngay; đồng thời khuyến khích hoạt động kinh doanh minh bạch, thúc đẩy các chủ thể có doanh thu trên 1 tỷ đồng tham gia sâu hơn vào hoạt động chuyển đổi số, thương mại điện tử.*	Thuộc diện bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của pháp luật về thuế, hóa đơn *Minh chứng:* thông báo của cơ quan thuế chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; hoặc thông báo thuế, tờ khai thuế thể hiện doanh thu năm 2025 (hoặc từ đầu năm 2026 đến nay) trên 1 tỷ đồng.
G7	Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh từ ngày 01/01/2025 *Lý do: thực hiện chủ trương khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị); cần hệ thống kế toán, hóa đơn, quản trị theo chuẩn doanh nghiệp ngay từ đầu.*	Được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ ngày 01/01/2025 trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh *Minh chứng:* giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đã tải lên tại Bước 2 khoản 1 Mục VI); giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước khi chuyển đổi hoặc tài liệu thể hiện việc chuyển đổi.
G8	Cơ sở thực phẩm tham gia chuỗi cung ứng, gồm cơ sở sản xuất, chế biến, phân phối, cung cấp thực phẩm cho bếp ăn trường học, bếp ăn tập thể, siêu thị, nhà hàng, chuỗi cửa hàng, nhà phân phối *Lý do: bảo đảm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng Thủ đô, trong đó có bếp ăn trường học, bếp ăn tập thể; số hóa truy xuất nguồn gốc theo chuỗi từ sản xuất, chế biến đến phân phối, tạo dữ liệu kết nối với nền tảng HanoiCheck và các nền tảng truy xuất nguồn gốc khác của Thành phố.*	Có ngành, nghề sản xuất, chế biến hoặc kinh doanh thực phẩm; đang cung cấp thực phẩm cho bếp ăn trường học, bếp ăn tập thể, siêu thị, nhà hàng, chuỗi cửa hàng, nhà phân phối. *Minh chứng:* giấy chứng nhận đăng ký (đã tải lên tại Bước 2 khoản 1 Mục VI) thể hiện ngành, nghề sản xuất, chế biến hoặc kinh doanh thực phẩm; và hợp đồng hoặc đơn hàng cung cấp thực phẩm còn hiệu lực cho bếp ăn trường học, bếp ăn tập thể, siêu thị, nhà hàng, chuỗi cửa hàng, nhà phân phối.
G9	Nhóm đối tượng chung (không phải nhóm ưu tiên): doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đáp ứng điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Mục này, không thuộc các nhóm G1–G8 *Lý do: bảo đảm mọi đối tượng đủ điều kiện đều được tiếp cận chính sách ngay từ Đợt 1.*	Không yêu cầu minh chứng về nhóm đối tượng

Đối tượng thuộc nhiều nhóm lựa chọn 01 nhóm khi đăng ký. Đối với tất cả các nhóm, đối tượng tải lên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (trường hợp đăng ký theo chi nhánh, địa điểm kinh doanh trên địa bàn Thành phố, tải lên thêm giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, địa điểm kinh doanh)

để xác thực tư cách pháp lý, địa chỉ của đối tượng; giấy chứng nhận này đồng thời là minh chứng của nhóm ưu tiên khi thể hiện được tiêu chí của nhóm. Khi Hệ thống kết nối được với cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thông tin sẽ được xác thực tự động. Đối tượng cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai và minh chứng.

III. KINH PHÍ, SỐ PHIẾU VÀ MỨC HỖ TRỢ

1. Tổng kinh phí hỗ trợ của Đợt 1: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), trong đó:

Khoản kinh phí	Số tiền (đồng)	Phạm vi sử dụng
Kinh phí dành riêng cho nhóm G1	5.000.000.000	Chỉ cấp phiếu cho đối tượng nhóm G1, đến hết ngày 27/11/2026
Kinh phí dành riêng cho nhóm G2	5.000.000.000	Chỉ cấp phiếu cho đối tượng nhóm G2, đến hết ngày 27/11/2026
Kinh phí dành riêng cho các nhóm G3–G8	25.000.000.000	Dùng chung cho đối tượng các nhóm G3–G8, đến hết ngày 27/11/2026
Kinh phí chung	15.000.000.000	Cấp phiếu cho nhóm G9; cấp cho các nhóm G1–G8 khi kinh phí dành riêng của nhóm đã hết. Từ ngày 28/11/2026, cấp phiếu cho tất cả các nhóm G1–G9 theo thứ tự đăng ký
Tổng cộng	**50.000.000.000**	

Đối tượng các nhóm G1–G8 được cấp phiếu từ kinh phí dành riêng của nhóm; khi kinh phí này đã phân bổ hết thì được cấp từ kinh phí chung theo thứ tự đăng ký. Từ ngày 28/11/2026, phần kinh phí dành riêng chưa phân bổ của các nhóm G1–G8 được chuyển vào kinh phí chung để cấp phiếu cho đối tượng tất cả các nhóm theo thứ tự đăng ký.

2. Số lượng phiếu dự kiến: khoảng 5.000 – 6.000 phiếu, trong đó khoảng 3.000 – 3.500 Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số và 2.000 – 2.500 Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử. Số lượng thực tế phụ thuộc quy mô đối tượng và giá trị sản phẩm, dịch vụ được lựa chọn.

3. Mức hỗ trợ tối đa: Đợt 1 áp dụng mức hỗ trợ tối đa công bố cho từng sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục (không quá 70% chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ), áp dụng như nhau đối với hai loại phiếu.

4. Mức trần hỗ trợ của phiếu

Quy mô đối tượng	Mức trần Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số	Mức trần Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử
Hộ kinh doanh	10.000.000 đồng	20.000.000 đồng
Doanh nghiệp siêu nhỏ	30.000.000 đồng	30.000.000 đồng
Doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã	60.000.000 đồng	60.000.000 đồng
Doanh nghiệp vừa	100.000.000 đồng	100.000.000 đồng

Hạn mức hỗ trợ của từng sản phẩm, dịch vụ bằng giá công bố trong Danh mục nhân với mức hỗ trợ tối đa (đối với gói nhiều năm là giá cả gói); tổng hạn mức hỗ trợ của phiếu không vượt quá mức trần. Phần vượt mức trần do đối tượng tự thanh toán.

Ví dụ 1: một hộ kinh doanh tại làng gốm Bát Tràng (nhóm G1) chọn trên Phiếu hỗ trợ thương mại điện tử dịch vụ thiết lập gian hàng trên sàn thương mại điện tử giá 11.880.000 đồng, mức hỗ trợ tối đa công bố trong Danh mục là 50%. Hạn mức hỗ trợ là 5.940.000 đồng, chưa vượt mức trần 20.000.000 đồng. Hộ kinh doanh tự thanh toán 5.940.000 đồng qua cổng thanh toán kết nối với Hệ thống; khoản hỗ trợ 5.940.000 đồng được ngân sách nhà nước thanh toán cho nhà cung cấp.

Ví dụ 2: một doanh nghiệp nhỏ thuộc nhóm G9 chọn trên Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số các sản phẩm, dịch vụ có tổng giá 150.000.000 đồng, giả sử mức hỗ trợ tối đa công bố trong Danh mục của các sản phẩm, dịch vụ là 50%. Hạn mức tính theo tỷ lệ là 75.000.000 đồng, vượt mức trần 60.000.000 đồng; hạn mức hỗ trợ của phiếu là 60.000.000 đồng, doanh nghiệp tự thanh toán 90.000.000 đồng.

IV. DANH MỤC HỖ TRỢ ÁP DỤNG

1. Đợt 1 áp dụng các phiên bản Danh mục được công bố trên ứng dụng iHanoi tại mini app "HANOINEXT", gồm Danh mục được công bố tại Quyết định số 2246/QĐ-SKHCN ngày 01/11/2026 và các quyết định bổ sung. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận thường xuyên hồ sơ của nhà cung cấp và công bố phiên bản bổ sung trên mini app khi có sản phẩm, dịch vụ mới được đưa vào Danh mục.

2. Sản phẩm, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục trong thời gian Đợt 1 được lựa chọn khi đăng ký kể từ thời điểm công bố trên Hệ thống; không bổ sung vào phiếu đã cấp, trừ trường hợp thay thế sản phẩm, dịch vụ theo khoản 3, khoản 4 Điều 11 Quyết định số 135.

3. Thông tin chi tiết của từng sản phẩm, dịch vụ (giá, mức hỗ trợ tối đa, nhà cung cấp, đối tượng sử dụng, phương thức cung cấp, nội dung xác nhận sử dụng, kỳ thanh toán khoản hỗ trợ, thời gian duy trì sử dụng tối thiểu, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dữ liệu phải chia sẻ) được công khai trên Hệ thống.

4. Việc sản phẩm, dịch vụ có trong Danh mục không phải là chứng nhận hoặc bảo đảm của Thành phố về chất lượng, hiệu quả, tính pháp lý. Đối tượng tìm hiểu kỹ và tự lựa chọn sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhu cầu.

V. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Nội dung	Thời hạn
A. Các mốc của Đợt 1	
Công bố Danh mục phiên bản 1 trên Hệ thống	Trước ngày 09/11/2026
Bắt đầu tiếp nhận đăng ký	08 giờ 00 ngày 09/11/2026
Kết thúc thời gian dành riêng kinh phí cho các nhóm G1–G8	Hết ngày 27/11/2026; từ ngày 28/11/2026, phần chưa phân bổ được chuyển vào kinh phí chung
Kết thúc tiếp nhận đăng ký	17 giờ 00 ngày 04/12/2026 hoặc khi kinh phí Đợt 1 được phân bổ hết, tùy thời điểm nào đến trước
Kết thúc xử lý danh sách chờ	Ngày 04/12/2026; phiếu cấp từ danh sách chờ được phê duyệt trong 01 ngày làm việc
Hạn xác lập giao dịch hỗ trợ (ký hợp đồng)	Chậm nhất ngày 16/12/2026; giao dịch thay thế: chậm nhất ngày 18/12/2026
Hạn nhà cung cấp bàn giao, kích hoạt và gửi đề nghị xác nhận sử dụng trên Hệ thống	Chậm nhất ngày 23/12/2026
Hạn đối tượng thanh toán phần chi phí của mình	Chậm nhất ngày 30/12/2026, qua cổng thanh toán kết nối với Hệ thống
Hạn giao dịch đáp ứng đủ điều kiện thanh toán khoản hỗ trợ (kỳ chốt cuối)	Ngày 31/12/2026; giao dịch đã xác lập đúng hạn nhưng chưa đủ điều kiện: chậm nhất ngày 31/3/2027 theo điểm b khoản 7 Mục VII (trường hợp được chuyển nguồn hoặc bố trí dự toán năm 2027)
Hoàn thành chi trả khoản hỗ trợ của Đợt 1	Trước ngày 31/01/2027; giao dịch theo điểm b khoản 7 Mục VII (trường hợp được chuyển nguồn hoặc bố trí dự toán năm 2027): trước ngày 30/4/2027
Thời hạn hiệu lực của phiếu	Đến hết ngày 18/12/2026 (thời hạn xác lập giao dịch hỗ trợ, kể cả giao dịch thay thế)
B. Thời hạn xử lý từng bước	
Đối tượng bổ sung thông tin đăng ký theo thông báo của Hệ thống (nếu cần bổ sung)	03 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống gửi thông báo
Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt minh chứng và phê duyệt phiếu	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống ghi nhận đăng ký đầy đủ, hợp lệ; đăng ký được ghi nhận từ ngày 30/11/2026: không quá 02 ngày làm việc

Nội dung	Thời hạn
Đối tượng trong danh sách chờ xác nhận còn nhu cầu (khi có kinh phí để xét danh sách chờ, Hệ thống thông báo theo thứ tự)	03 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống gửi thông báo
Nhà cung cấp xác nhận hoặc từ chối khả năng cung cấp	03 ngày làm việc kể từ ngày phiếu được phê duyệt
Nhà cung cấp kích hoạt, bắt đầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ	03 ngày làm việc kể từ ngày xác lập giao dịch (khuyến nghị), trừ trường hợp tiến độ khác được công bố trong Danh mục
Chốt đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ (xác định các giao dịch đã đủ điều kiện giải ngân khoản hỗ trợ)	Kỳ chốt cuối của ngân sách năm 2026: ngày 31/12/2026 (theo quy định về sử dụng ngân sách chi thường xuyên)
Chi trả khoản hỗ trợ cho nhà cung cấp	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày chốt đề nghị thanh toán hoặc theo đợt định kỳ hằng tháng

VI. CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ VÀ CẤP PHIẾU

1. Các bước đăng ký

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc chủ hộ kinh doanh thực hiện trên ứng dụng iHanoi tại mini app "HANOINEXT". Hướng dẫn thao tác chi tiết đăng tải tại link: https://drive.google.com/drive/folders/198L-LEmdVyft5W2JJjXjAFnJMZIvoNhe?usp=sharing.

Khuyến nghị: đối tượng nên trao đổi trước với nhà cung cấp về nhu cầu và sản phẩm, dịch vụ phù hợp để bảo đảm hiệu quả, phù hợp với nhu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh và hạn chế việc phải hủy, thay thế sau khi được cấp phiếu.

Bước 1: Đăng nhập iHanoi bằng tài khoản định danh điện tử, truy cập mini app "HANOINEXT".

Bước 2: Kiểm tra, bổ sung thông tin theo Tờ khai (Mẫu số 02 Quyết định số 135); tải lên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, địa điểm kinh doanh, nếu đăng ký theo chi nhánh, địa điểm kinh doanh).

Bước 3: Chọn nhóm đối tượng (G1–G9), tải lên minh chứng đối với nhóm ưu tiên (khoản 3 Mục II); chọn loại phiếu; chọn sản phẩm, dịch vụ trong Danh mục.

Bước 4: Kiểm tra giá, hạn mức hỗ trợ và phần chi phí tự thanh toán do Hệ thống tạm tính.

Bước 5: Thực hiện cam kết điện tử (gồm cam kết về việc thuộc nhóm đã chọn và tính trung thực của minh chứng; cam kết duy trì sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong

thời gian tối thiểu công bố trong Danh mục; xác nhận đang sử dụng hoặc cam kết sử dụng hóa đơn điện tử theo khoản 2 Mục II) và các yêu cầu đồng ý trên Hệ thống; xác nhận chia sẻ thông tin cần thiết với nhà cung cấp đã chọn để hai bên trao đổi, soạn thảo hợp đồng và để Hệ thống gửi yêu cầu cung cấp cho nhà cung cấp khi phiếu được phê duyệt; bấm gửi đăng ký. Sau khi gửi đăng ký, đối tượng nhận ngay phiếu dự thảo (chờ phê duyệt) trong tài khoản.

2. Xử lý đăng ký và cấp phiếu

a) Hệ thống tự động kiểm tra điều kiện và kinh phí còn lại; phiếu được cấp theo thứ tự thời điểm Hệ thống ghi nhận đăng ký đầy đủ, hợp lệ, trong phạm vi kinh phí quy định tại khoản 1 Mục III.

b) Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt giấy chứng nhận đăng ký, minh chứng của nhóm ưu tiên trên cơ sở tài liệu và cam kết của đối tượng đồng thời với việc phê duyệt phiếu tại điểm c khoản này; thời điểm ghi nhận đăng ký được giữ nguyên. Trường hợp thông tin đăng ký chưa đầy đủ, chưa chính xác, Hệ thống thông báo một lần các nội dung cần bổ sung; đối tượng bổ sung hoặc chọn nhóm khác trong 03 ngày làm việc, quá thời hạn này Hệ thống dừng xử lý đăng ký; thứ tự đăng ký được tính từ thời điểm hoàn thành bổ sung.

c) Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt phiếu không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống ghi nhận đăng ký đầy đủ, hợp lệ (đối với đăng ký được ghi nhận từ ngày 30/11/2026: không quá 02 ngày làm việc; phiếu cấp từ danh sách chờ: 01 ngày làm việc); phiếu có hiệu lực kể từ thời điểm được phê duyệt và trạng thái phiếu được cập nhật trên Hệ thống. Trong thời gian chờ phê duyệt, đối tượng và nhà cung cấp trao đổi, hoàn thiện dự thảo hợp đồng.

d) Khi kinh phí còn lại không đủ, đăng ký đủ điều kiện được đưa vào danh sách chờ. Khi có kinh phí được giải phóng hoặc được chuyển vào kinh phí chung, Hệ thống thông báo theo thứ tự danh sách chờ; đối tượng xác nhận còn nhu cầu trong 03 ngày làm việc, quá thời hạn này đăng ký hết hiệu lực. Việc có tên trong danh sách chờ không bảo đảm chắc chắn được cấp phiếu; danh sách chờ hết hiệu lực sau ngày 04/12/2026.

đ) Trường hợp phát hiện kê khai, minh chứng, cam kết không trung thực, phiếu bị tạm dừng, hủy theo Điều 9 Quyết định số 135; việc thanh toán cho nhà cung cấp, hoàn trả khoản hỗ trợ thực hiện theo điểm c khoản 13 Điều 9 và Điều 14 Quyết định số 135. Vi phạm này đồng thời được xem xét khi xác định điều kiện tham gia các đợt hỗ trợ tiếp theo và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định của pháp luật, nếu có.

VII. SỬ DỤNG PHIẾU, XÁC NHẬN VÀ THANH TOÁN

1. Xác nhận khả năng cung cấp: Khi phiếu được phê duyệt, Hệ thống gửi yêu cầu cung cấp cho nhà cung cấp; nhà cung cấp xác nhận hoặc từ chối (nêu rõ lý do) trong 03 ngày làm việc, quá thời hạn này mà không phản hồi được xác định là không xác nhận. Trường hợp nhà cung cấp từ chối hoặc không xác nhận, đối tượng được lựa chọn sản phẩm, dịch vụ hoặc nhà cung cấp thay thế theo khoản 3, khoản 4 Điều 11 Quyết định số 135.

2. Hợp đồng và xác lập giao dịch hỗ trợ:

a) Hợp đồng giữa đối tượng và nhà cung cấp do các bên thỏa thuận, soạn thảo; được ký điện tử trên nền tảng iHanoi hoặc trên nền tảng hợp đồng điện tử của nhà cung cấp đã kết nối với Hệ thống, ghi mã phiếu và được đồng bộ về Hệ thống.

b) Chỉ hợp đồng được ký sau khi phiếu được phê duyệt mới được xác định là giao dịch hỗ trợ; hợp đồng ký trước thời điểm phiếu được phê duyệt không được xác định là giao dịch hỗ trợ.

c) Giao dịch hỗ trợ được xác lập khi hợp đồng được các bên ký điện tử và ghi nhận trên Hệ thống, chậm nhất ngày 16/12/2026; giao dịch thay thế được xác lập chậm nhất ngày 18/12/2026. Quá thời hạn này, sản phẩm, dịch vụ chưa xác lập giao dịch bị hủy trên phiếu, phần hạn mức tương ứng được giải phóng (điểm e khoản 2 Điều 11 Quyết định số 135). Trường hợp toàn bộ sản phẩm, dịch vụ trên phiếu bị hủy thì phiếu bị hủy (điểm c khoản 10 Điều 9 Quyết định số 135).

d) Nhà cung cấp kích hoạt, bắt đầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày xác lập giao dịch (thời hạn khuyến nghị), trừ trường hợp tiến độ khác được công bố trong Danh mục; việc chậm kích hoạt không có lý do chính đáng được ghi nhận để xem xét theo Điều 7 Quyết định số 135.

3. Thanh toán phần chi phí của đối tượng: Đối tượng thanh toán phần chi phí của mình theo hợp đồng qua cổng thanh toán kết nối với Hệ thống, chậm nhất ngày 30/12/2026, trừ trường hợp tại điểm b khoản 7 Mục này. Khoản thanh toán ngoài cổng, kể cả tiền đặt cọc, không được ghi nhận là đã thanh toán phần chi phí của đối tượng (để bảo đảm đối soát tự động của Hệ thống và giám sát thực hiện chính sách của Thành phố). Nhà cung cấp không được yêu cầu đối tượng trả trước hoặc trả thay phần tiền được hỗ trợ. Trường hợp cổng thanh toán bị gián đoạn, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo trên Hệ thống phương thức thanh toán thay thế và thời hạn được gia hạn tương ứng; khoản thanh toán theo phương thức thay thế được ghi nhận khi đã đối soát với Hệ thống.

4. Xác nhận và duy trì sử dụng: Đối tượng sử dụng sản phẩm, dịch vụ và xác nhận sử dụng trên Hệ thống theo nội dung công bố trong Danh mục ngay khi nhận đề nghị xác nhận. Đối với sản phẩm, dịch vụ có dữ liệu đối soát tự động và nhà cung cấp đã hoàn thành kết nối với Hệ thống, sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị mà đối tượng không phản hồi và không có ý kiến, Hệ thống ghi nhận đã xác nhận sử dụng. Nếu chưa hài lòng về phạm vi, khối lượng, chất lượng, đối tượng ghi ý kiến trên Hệ thống; khoản hỗ trợ đối với phần có ý kiến tạm ngừng thanh toán cho đến khi được xử lý theo khoản 6 Điều 12 Quyết định số 135. Nhà cung cấp gửi đề

nghị xác nhận sử dụng trên Hệ thống chậm nhất ngày 23/12/2026 để bảo đảm thời hạn thanh toán của Đợt 1.

Đối tượng thụ hưởng có trách nhiệm duy trì sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong thời gian tối thiểu công bố trong Danh mục để bảo đảm hiệu quả chính sách (điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND). Việc duy trì sử dụng được theo dõi qua dữ liệu nhà cung cấp chia sẻ với Hệ thống, được Sở Khoa học và Công nghệ xem xét khi xác định điều kiện tham gia các đợt hỗ trợ tiếp theo.

5. Thanh toán khoản hỗ trợ: Khoản hỗ trợ được thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp khi đáp ứng đủ điều kiện tại khoản 5 Điều 12 Quyết định số 135, theo kỳ thanh toán công bố cho từng sản phẩm, dịch vụ. Đối với sản phẩm, dịch vụ có thời hạn sử dụng trên 12 tháng (gói 2, 3, 5 năm), khoản hỗ trợ được tính trên giá cả gói công bố trong Danh mục theo mức hỗ trợ tối đa của Đợt 1 và được xem xét thanh toán một lần sau khi sản phẩm, dịch vụ được kích hoạt, xác nhận sử dụng, đáp ứng điều kiện theo quy định. Trường hợp hợp đồng chấm dứt trước thời hạn và nhà cung cấp hoàn tiền cho đối tượng, phần hỗ trợ tương ứng với thời gian chưa sử dụng phải được hoàn trả ngân sách nhà nước theo Điều 14 Quyết định số 135.

6. Quyền, nghĩa vụ dân sự: Các bên chịu trách nhiệm về giao dịch dân sự; nhà cung cấp chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp.

7. Xử lý trường hợp không bảo đảm thời hạn: Đối với phiếu đã được phê duyệt:

a) Nhà cung cấp không kích hoạt, bắt đầu cung cấp theo thời hạn khuyến nghị: đối tượng phản ánh trên Hệ thống; các bên được thỏa thuận chấm dứt giao dịch và lựa chọn sản phẩm, dịch vụ thay thế khi phần sản phẩm, dịch vụ tương ứng chưa được xác nhận đủ điều kiện thanh toán (điểm c khoản 3 Điều 11 Quyết định số 135), trong thời hạn xác lập giao dịch thay thế. Việc chậm cung cấp được ghi nhận để xem xét theo Điều 7 Quyết định số 135.

b) Đối với giao dịch đã xác lập đúng thời hạn, phần sản phẩm, dịch vụ đã được bàn giao, cung cấp đến hết ngày 31/12/2026 nhưng đến ngày này chưa đáp ứng đủ điều kiện thanh toán khoản hỗ trợ (kể cả trường hợp đối tượng chưa thanh toán phần chi phí của mình), khoản hỗ trợ được xem xét thanh toán từ phần kinh phí Đợt 1 chưa thanh toán được chuyển nguồn sang năm 2027 theo Luật Ngân sách nhà nước hoặc từ dự toán năm 2027 được giao theo quy định, với điều kiện giao dịch đáp ứng đủ điều kiện thanh toán khoản hỗ trợ chậm nhất ngày 31/3/2027. Các bên được khuyến nghị thỏa thuận trong hợp đồng việc xử lý phần giá trị tương ứng với khoản hỗ trợ không đáp ứng điều kiện thanh toán do lỗi của một trong hai bên.

c) Thời hạn hiệu lực của phiếu là thời hạn để sử dụng phiếu xác lập giao dịch hỗ trợ, đến hết ngày 18/12/2026. Hết thời hạn này, phần hạn mức chưa gắn với giao dịch hỗ trợ đã xác lập được giải phóng. Việc thanh toán khoản hỗ trợ của giao dịch đã xác lập hợp lệ và đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định được thực hiện không phụ thuộc thời hạn hiệu lực của phiếu.

VIII. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VÀ THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. Cảnh giác lừa đảo: Sở Khoa học và Công nghệ không ủy quyền cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cấp, quản lý phiếu hỗ trợ. Không cung cấp mật khẩu, mã OTP tài khoản VNeID, iHanoi cho người khác. Mọi thông tin chính thức chỉ được công bố trên Hệ thống, iHanoi và Cổng thông tin điện tử của Sở.

2. Phản hồi, đánh giá: Sau khi sử dụng, đối tượng được đề nghị đánh giá sản phẩm, dịch vụ và quá trình thực hiện trên Hệ thống; kết quả được tổng hợp để hoàn thiện chính sách, Danh mục cho các đợt tiếp theo.

3. Thông tin liên hệ, hỗ trợ:

- Đường dây hỗ trợ (trong giờ hành chính các ngày làm việc):

+ Về thao tác, kỹ thuật trên Hệ thống: 098 3559164;

+ Về chính sách, quy định: 024 35121166;

- Thư điện tử: pktsvxhs_sokhcn@hanoi.gov.vn;

- Phản ánh, kiến nghị: chức năng Phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống, ứng dụng iHanoi hoặc văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ (thư điện tử: vanthu_sokhcn@hanoi.gov.vn);

- Tài liệu hướng dẫn (xác định quy mô doanh nghiệp; thao tác đăng ký, sử dụng phiếu, câu hỏi thường gặp): quét mã QR ở cuối văn bản hoặc truy cập: https://drive.google.com/drive/folders/1OSOOXaR2xN-CV12H5YK5BmqL7LjpyFHz?usp=sharing.

- Trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có trụ sở, địa điểm kinh doanh: tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận chính sách.

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các cơ quan, tổ chức có liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố (*để b/c*);
- PCT UBND TP Trương Việt Dũng (*để b/c*);
- Các Sở: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng (*để p/h*);
- Thuế thành phố Hà Nội; Công an Thành phố (*để p/h*);
- BQL các KCNC và KCN Hà Nội (*để p/h*);
- Sở Tư pháp (*để theo dõi chính sách*);
- UBND các xã, phường (*để p/h*);
- Các hiệp hội doanh nghiệp, Liên minh HTX;
- Các sàn TMĐT;
- Các nhà cung cấp trong Danh mục hỗ trợ;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng TTĐT Sở; Hệ thống cấp phiếu hỗ trợ;
- VP Sở, P.KTS&XHS, TTDL&TTNT (*để th/h*);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KTS&XHS T.Phương.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Cù Ngọc Trang

Quét mã QR để xem tài liệu hướng dẫn